TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-12-2023.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Hiền.
2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 106/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị Đ, sinh năm 1995.
Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Đặng Nhựt T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

(Chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Võ Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn ly hôn và bản tự khai, chị Đ trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2019, chị Đ sống chung với anh T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh T. Trong thời gian sống chung, chị Đ với anh T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; chị Đ đã ly thân anh T. Tình cảm không còn, chị Đ yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Đ với anh T có 02 con chung tên là Võ Đặng Thanh T, sinh ngày 26/5/2020 và Đặng Minh T, sinh ngày 24/3/2022, đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu T mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Đ không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Đặng Nhựt T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Võ Đặng Thanh T, sinh ngày 26/5/2020 và Đặng Minh T, sinh ngày 24/3/2022 cho chị Đ tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do. Do đó Xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2019, chị Đ sống chung với anh T có đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm sống; chị Đ đã ly thân anh T. Chị Đ yêu cầu ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị Đ. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị Đ ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị Đ với anh T có 02 con chung tên là Võ Đặng Thanh T, sinh ngày 26/5/2020 và Đặng Minh T, sinh ngày 24/3/2022, đang sống chung với chị Đ. Do đó, chị Đ yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; nên giao cháu T và cháu T cho chị Đ tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Xét người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con như trên là phù hợp; nên chấp nhận. Do đó, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T và

cháu T mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm; thời điểm hiện hiện nay ½ mức lương tối thiểu là 900.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Đ ly hôn anh Đặng Nhựt T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Đặng Thanh T, sinh ngày 26/5/2020 và cháu Đặng Minh T, sinh ngày 24/3/2022 cho chị Võ Thị Đ tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đặng Nhựt T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Nhựt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Đặng Thanh T và cháu Đặng Minh T mỗi cháu mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm; thời điểm hiện hiện nay ½ mức lương tối thiểu là 900.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu T tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0011712 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị Đ đã nộp xong án phí.

+ Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đ và anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.